TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MAI SƠN** **TỈNH SƠN LA**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 83/2021/QĐST-HNGĐ	*Mai Sơn, ngày 26 tháng 02 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 87/2021/TLST- HNGĐ ngày 19 tháng 01 năm 2021 giữa:

Nguyên đơn: Chị Đinh Thị N, sinh năm 1984. NĐKHKTT: Bản C, N, xã C, N, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Tạm trú: Bản Kh, xã T, Th, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La.

Bị đơn: Anh Hà Văn C, sinh năm 1979. NĐKHKTT: Bản C, N, xã C, N, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

Căn cứ vào Điều 147, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82,83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 19 tháng 02 năm 2021;

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 19 tháng 02 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Đinh Thị N và anh Hà Văn C.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

a.Về tình cảm: Chị Đinh Thị N và anh Hà Văn C nhất trí công nhận thuận tình ly hôn.

b. Về con chung: Chị N và anh C có 02 con chung là các cháu Hà Văn Hải, sinh ngày 11/02/2007 và cháu Hà Văn Cường, sinh ngày 14/11/2008. Anh chị thống nhất sau khi ly hôn. Giao cả 02 cháu Hải và Cường cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cả 02 cháu Hải và Cường cho tới khi các cháu đủ tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Chị N không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh C do anh C không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, chị N được quyền thăm nom con theo quy định của pháp luật; không ai được quyền ngăn cản chị N thực hiện quyền này theo quy định của Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

c. Về tài sản chung và nợ chung vợ chồng: Chị N, anh C không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp hoặc có người khởi kiện thì sẽ được giải quyết ở một vụ án khác.

d. Về án phí: Chị Đinh Thị N nhận chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm là 150.000VNĐ (một trăm năm mươi nghìn) đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 VNĐ đã nộp theo Biên lai thu Tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2019/0001881 ngày 19 tháng 01 năm 2021 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Mai Sơn chị N được nhận lại 150.000 VNĐ (một trăm năm mươi nghìn) đồng của Chi cục Thi Hành án dân sự huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Mai Sơn;
- TAND tỉnh Sơn La;
- Chi cục THADS huyện Mai Sơn;
- UBND xã Cò Nòi;
- Lưu: hồ sơ.

THẨM PHÁN

Hà Minh Quân